

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2023/DS-PT

Ngày 25-8-2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thị Hồng Vân

Bà Trương Thị Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 8 và 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023, về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 157/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Võ Nhật A**, sinh năm 1985; cư trú tại: Số G, đường L, Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1986; cư trú tại: số C khu phố A, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 25/04/2023), có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1986; cư trú tại: Số G, đường L, Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1952, cư trú tại: Số G, đường L, Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguồn gốc phần đất của anh Võ Nhật A đang sử dụng diện tích 132,3 m², thửa đất số 105, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh là do cha của anh Nhật A là ông Võ Hiếu Đ (đã chết năm 2018) nhận chuyển nhượng lại của người khác vào năm 2002. Ngày 12/12/2002, ông Đ được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 132,3 m². Ngày 27/6/2019, mẹ của anh Nhật A cùng các anh chị em lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, để lại phần đất nêu trên cho anh Nhật A được quyền sử dụng. Ngày 24/7/2019, anh Nhật A được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 132,3 m². Khi ông Đ còn sống thì ranh đất giữa bên anh Nhật A và bên chị T là rãnh thoát nước mưa do ông Đ xây dựng, đến khoảng năm 2012-2013 thì bên gia đình chị T có xây một tường rào bê tông trên đất của anh Nhật A lấn qua đất của anh Nhật A diện tích 0,4 m x dài 22,46 m. Do hai bên là bà con dòng họ nên cũng đồng ý cho bên gia đình chị T xây tạm tường rào, hai bên có thỏa thuận khi nào gia đình anh xây dựng lại nhà sẽ dỡ bỏ bức tường.

Nay anh Nhật A muốn xây nhà nhưng chị T không đồng ý dỡ bỏ bức tường rào nên anh khởi kiện yêu cầu chị T có nghĩa vụ tháo dỡ tường rào trả lại QSDĐ diện tích đất 09 m² (ngang 0,4 m x dài 22,46 m) tọa lạc tại Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Phạm Thị Thu T trình bày:*

Nguồn gốc phần đất của chị Phạm Thị Thu T đang sử dụng diện tích 123,7 m², thửa đất số 104, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh là do mẹ của chị T là bà Võ Thị N nhận chuyển nhượng lại của ông Diệp Văn K vào năm 1998 (hiện ông K đã chết). Ngày 07/01/2003, bà N được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 21/7/2017, bà N làm hợp đồng tặng cho chị T phần đất này. Ngày 18/8/2017 thì chị T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 123,7 m². Khi ông Đ cha của anh Nhật A còn sống thì ranh đất giữa hai bên đã có sẵn cái “Gò” bằng xi măng xây đã lâu. Cách đây khoảng 07-08 năm mẹ của chị T là bà N có xây một hàng rào bằng tường bê tông làm ranh cạnh cái gò, ông Đ cũng đồng ý cho xây, hai bên thỏa thuận lấy tường rào này làm ranh đất, nếu sau này ai xây nhà thì lấy tường rào làm ranh. Sau khi gia đình chị T xây tường rào thì bên ông Đ tháo dỡ cái “gò” và cán nền bê tông cho bằng phẳng. Mặt khác, vào ngày 24/8/2005, mẹ của chị có nhận chuyển nhượng của bà L thêm 0,5

m ngang x dài hết đất giáp ranh đất của chị. Khi nhận chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay mua bán, mục đích bà N mua thêm 0,5 m ngang này chủ yếu để làm lợp là bên hông nhà làm lối đi và hiện tại chị T vẫn chưa nhập diện tích này vào đất của chị T do phần đất của bà L vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình chị không lấn đất nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị N trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của chị T. Bà đã tặng cho chị T phần đất này nên không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 157/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Nhật A đối với chị Phạm Thị Thu T về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Anh Võ Nhật A được quyền sử dụng phần đất diện tích 139,2m², thửa đất số 105, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh do anh Võ Nhật A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 24/7/2019. Phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đường nhựa 10m, dài 6,1m;
- + Tây giáp thửa 103 dài 5,86m;
- + Nam giáp thửa 104, dài 22,46m;
- + Bắc giáp thửa 79, dài 8,21m + 10,16m + 4,2m.

Chị Phạm Thị Thu T được quyền sử dụng phần đất diện tích 132,7m², thửa đất số 104, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh do chị Phạm Thị Thu T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 18/8/2017. Phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đường nhựa 10m, dài 5,9m;
- + Tây giáp thửa 103 dài 5,92m;
- + Nam giáp thửa 107, dài 22,5m;
- + Bắc giáp thửa 105, dài 22,5m.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28-12-2022, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và trình bày: Ranh đất giữa ông Đ và bà N trước đây là cạnh giáp lợp là (bó nền nhà) do ông Đ xây dựng cùng lúc xây nhà để làm lối thoát nước mưa; bà N xây nhà sau ông Đ và xây sát cạnh lợp là này. Khi hai bên xảy ra tranh chấp, ông Đ đồng ý cho bà N xây bức tường là để ngăn khói bay sang nhà bà N và do

hai bên có thoả thuận sau này ông Đ xây lại nhà thì dỡ bỏ bức tường nên ông Đ cho bà N xây bức tường. Tại buổi hoà giải ở Phường, chị T thừa nhận đất chị T chỉ có 5,5 m, hai bên hoà giải thành để về đo đạc nhưng sau đó chị T không cho đo nên nguyên đơn mới khởi kiện, sau này chị T khai mua thêm 0,5 m của bà L, đề nghị Toà án xem xét việc chuyển nhượng thêm này là không có thật. Việc nguyên đơn chuyển nhượng 6 m nhưng được cấp GCNQSDĐ 6,5 m là do khi mua ông K1 có cho thêm 0,5 m nhưng không làm giấy tờ gì. Tuy nhiên, khi cán bộ đo đạc, cấp GCNQSDĐ thì không có ai tranh chấp. Khi bà N xây bức tường rào và làm lợp là trèo lên phần lợp là cũ của ông Đ, hiện trạng thể hiện vẫn còn 01 đoạn lợp là cũ phía cuối đất, giáp chân tường nhà anh Nhật A.

- Bị đơn trình bày: Đoạn lợp là cũ là của gia đình chị xây cùng lúc với việc bà N xây nhà, nhưng chị không nhớ xây năm nào. Hiện gia đình chị sử dụng dư đất so với lúc mua là do mua thêm của bà L; việc mua thêm 0,5 m ngang đất của bà L có làm giấy tờ nhưng hiện trạng vẫn thiếu 0,1 m ngang. Phần mua thêm chị chưa đi đăng ký được vì đất của bà L nằm trong lộ giới quy hoạch, không được cấp GCNQSDĐ. Nguyên đơn sử dụng dư đất so với lúc chuyển nhượng nhưng không chứng minh được vì sao sử dụng đất dư. Lúc ông Đ còn sống giữa hai bên không có tranh chấp khi xây dựng bức tường rào, nay ông Đ chết thì con ông Đ đi khởi kiện là không có căn cứ.

- Bà N trình bày: Ranh đất giữa bà và ông Đ trước đây là trụ bằng sắt nhưng đã dỡ bỏ khi bà xây nhà. Khi bà xây bức tường rào không có đo đạc nhưng ông Đ đồng ý cho xây, không có việc xây tường ngăn khói, không có thoả thuận sau này sẽ dỡ bỏ như nguyên đơn trình bày. Bà xây nhà sau ông Đ, mua thêm 0,5 m của bà L trước khi xây nhà. Khi ông Đ còn sống không có tranh chấp với bà về ranh đất. Tuy nhiên, trước đây bà có đặt ống nước bên hông nhà bà thì bị ông Đ đập bỏ. Bà có kêu anh chị em chứng kiến để bà xây tường làm ranh thì ông Đ đồng ý cho bà xây.

- Người làm chứng, ông Võ Hữu H trình bày: Anh chị em ông chuyển nhượng lại đất của anh em ông K1, theo đó, ông mua 5 m đất có căn nhà, sau đó bán lại cho ông Đ. Khi mua đất, không cắm ranh, khi bán lại đất cho ông Đ cũng không cắm ranh. Sau khi ông Đ, bà N xây nhà xong, hai bên có nói qua nói lại về ranh đất, anh ruột là ông H1 đứng ra hoà giải cho 2 bên và nói bà N không lấn đất nên bà N xây bức tường như hiện nay, ông Đ không tranh chấp. Ông xác định giấy ủy quyền đất cho ông Đ là do ông viết nhưng không nhớ vì sao lại ghi đất là 6 m ngang và xác nhận diện tích 161 m² cho ông Đ.

- Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà chuyển nhượng của anh em ông K1 phần đất chiều ngang 6,5 m, sau đó bà chuyển nhượng lại cho bà N 0,5 m ngang. Do đất của bà nằm trong lộ giới nên không được cấp giấy CNQSDĐ nên bà không tách thửa cho chị T được. Giấy tờ mua bán đất trước đây bà bị thất lạc không tìm thấy.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về án phí; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng: Anh Võ Nhật A đang quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 105 có chiều ngang theo GCNQSDĐ được cấp là 6,5 m, nhưng hiện trạng sử dụng là 6,01 m; chị T đang quản lý sử dụng phần đất thuộc thửa 104, có chiều ngang theo GCNQSDĐ là 5,5 m, thực tế 5,9 m, đều thuộc tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Bị đơn cho rằng đất dư 0,4 m so với diện tích đã chuyển nhượng là do mua thêm của bà L1 0,5 m.

[2] Xét thấy: Kết quả đo đạc 02 lần tại cấp sơ thẩm thể hiện: Lần thứ nhất xác định được ranh cấp GCNQSDĐ cho chị T (thửa 104 cạnh giáp đất bà L1); lần thứ 2 không thể hiện ranh cấp GCNQSDĐ của cả 2 thửa đất. Do đó, không xác định được được phần đất tranh chấp diện tích 09 m² (ngang 0,4 m x dài 22,46 m) thuộc thửa 104 hay thửa 105. Qua làm việc, đơn vị đo đạc là Văn phòng Đ1 Chi nhánh thị xã H trả lời không áp được bản đồ địa chính (cấp GCNQSDĐ) lên Sơ đồ đo đạc hiện trạng do thời điểm cấp giấy CNQSDĐ thực hiện đo đạc thủ công, chỉ áp được 01 ranh đất thửa 104 giáp thửa 103 trùng với ranh cấp GCNQSDĐ. Do đó, nếu tính từ ranh đất này trên bản đồ hiện trạng thì có thể xác định được phần đất tranh chấp nằm trong thửa 104 do anh Nhật A đứng tên GCNQSDĐ, phần bà N cho rằng mua thêm của bà L1 nằm trong thửa 105 do chị T đứng tên GCNQSDĐ.

[3] Xét về nguồn gốc đất: Hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu cho ông Đ và bà N thể hiện: Ông Đ nhận uỷ quyền từ ông Võ Hữu H (thực tế là nhận chuyển nhượng) và được cấp GCNQSDĐ 6,5 m ngang; bà N nhận chuyển nhượng của ông Diệp Văn K2 5,5 m ngang và được cấp GCNQSDĐ 5,5 m ngang.

Anh Nhật A và chị T đều xác định khi nhận chuyển giao QSDĐ từ ông Đ và bà N, không bên nào có đo đạc lại mà chỉ thực hiện sang tên trên giấy tờ pháp lý. Hiện tại, bà N và vợ ông Đ là bà N1 vẫn đang sinh sống tại phần đất đã chuyển giao quyền sở hữu.

[3] Quá trình sử dụng đất: Các bên đương sự thừa nhận ông Đê chuyển nhượng đất và xây nhà trước bà N, khi xây nhà không đo đạc, sau khi xây nhà xong giữa hai bên không cắm mốc làm ranh đất. Tuy nhiên, qua lời khai của ông Võ Hữu H là em ruột của ông Đ, bà N thì có căn cứ xác định, khi bà N xây bức tường, giữa hai bên đã xảy ra tranh chấp ranh đất trước đó; không có căn cứ xác định hai bên có thoả thuận bức tường là ranh đất giữa 2 bên, cũng không có căn cứ xác định hai bên có thoả thuận dỡ bỏ bức tường sau này.

[4] Qua thẩm định tại chỗ, thể hiện: Trên phần đất tranh chấp phía cuối đất (đoạn không có bức tường) có 02 phần, phần bó nền giữa 02 chân tường nhà ông Đ, bà N (phần trước) và phần bó nền giáp chân tường nhà ông Đ kéo dài đến cuối thửa đất (phần sau) 02 phần chênh lệch độ cao là 10,7 cm. Hai bên đương sự đều cho rằng phần sau do mình xây dựng, hiện trạng thể hiện phần bó nền phía sau nối liền với chân tường nhà của ông Đ và đã cũ, hư hỏng nhiều so với bó nền phía trước, tuy nhiên không có cơ sở xác định do bên nào xây dựng, cũng không có cơ sở xác định phần bó nền này có được xây từ đầu đến cuối căn nhà của ông Đ hay không, nên không có cơ sở xác định bà N xây bó nền có trùm lên bó nền cũ của nhà ông Đ hay không.

[5] Về việc sử dụng đất thừa so với diện tích đất chuyển nhượng: Nguyên đơn cho rằng khi được ông K2 tặng cho thêm 0,5 m nhưng không có chứng cứ chứng minh; bị đơn cho rằng phần mua thêm của bà L1 có làm giấy tay mua bán đất. Tuy nhiên, bà L1 và chị T đều xác định phần đất của bà L1 nằm trong lộ giới quy hoạch. Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 2000 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện H cung cấp thể hiện phần đất của bà L1 giáp thửa 104 của chị T chỉ còn lại 0,13 m nhưng kết quả đo đạc thể hiện phần đất bà N chuyển nhượng của bà L1 0,5 m lại không nằm trong lộ giới, cũng không có căn cứ nào chứng minh bà L1 thực tế có bao nhiêu đất để xác định việc chuyển nhượng là có hay không.

[6] Xét thấy việc sử dụng đất giữa hai bên tuy có sự chuyển giao cho người khác về giấy tờ pháp lý nhưng thực tế chủ cũ vẫn đang sử dụng đất. Quá trình chuyển nhượng đất và sử dụng đất giữa hai bên không đo đạc cắm mốc rõ ràng, nhưng xét thấy, năm 2012 là bức tường đã được hình thành khi ông Đ còn sống, được xác định là ranh giới theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[7] Trong vụ án này, các bên tranh chấp diện tích đất 0,9 m², cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng lại công nhận cho hai bên toàn bộ diện tích đất theo hiện trạng (trong đó có 0,5 m đất trong lộ giới) là vượt quá phạm vi xét xử, cần sửa án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hai bên đương sự tranh chấp về việc xác định ai có quyền sử dụng đất, không xem xét giá trị đất nhưng cấp sơ thẩm tính án phí

có giá ngạch theo điểm b khoản 2 Điều 27 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án là không đúng.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm như nhận định trên. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các phần kháng của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Kháng cáo của anh Nhật A không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Nhật A. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 157/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Nhật A đối với bị đơn chị Phạm Thị Thu T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Chị Phạm Thị Thu T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 09 m², tọa lạc tại Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

- + Đông giáp đường nhựa dài 0,4 m;
- + Tây giáp thửa 103 dài 0,47 m;
- + Nam giáp phần còn lại của thửa 104, dài 22,46 m;
- + Bắc giáp thửa 105, dài 22,46 m.

(Có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Võ Nhật A phải chịu 4.200.000 (bốn triệu hai trăm nghìn) đồng và chị T phải chịu 3.840.000 (Ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng, ghi nhận anh Nhật A và chị T đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Võ Nhật A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0020351 ngày 27/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh Nhật A được trả lại 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Võ Nhật A phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0021203 ngày 28-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Các phần kháng của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TA TTN;
- TAND tx. HT;
- Chi cục THADS tx. HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai